

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

Số: **95** /UBND-KT

V/v báo cáo kết quả làm thủy lợi
mùa khô năm 2016

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bỉm Sơn, ngày **19** tháng 01 năm 2017

Kính gửi: Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa.

Đề chủ động trong công tác phòng, chống hạn và khắc phục hậu quả do thiếu nước, khô hạn gây ra, đảm bảo đủ nước sinh hoạt cho nhân dân và đáp ứng nhu cầu phục vụ nước cho sản xuất nông nghiệp.

Thị xã Bỉm Sơn đã chỉ đạo các đơn vị xã, phường, Chi nhánh thủy lợi Bỉm Sơn tổ chức chức nạo vét khơi thông toàn bộ ách tắc trên các tuyến kênh liên xã, nội đồng, đắp bờ vùng, bờ thửa, nhằm đảm bảo tưới tiêu hiệu quả và tiết kiệm nước. Xử lý lấn chiếm công trình tưới, tiêu, các vi phạm pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Thời gian ra quân đồng loạt từ ngày 15/11/2016 đến ngày 30/12/2016.

Kết quả thực hiện, UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo như sau:

Tổng khối lượng thực hiện: 48.440 m³, trong đó:

- Khối lượng nạo vét kênh liên xã: 32.690 m³
- Khối lượng nạo vét kênh nội đồng: 15.750 m³

(Chi tiết có phụ lục đính kèm).

UBND thị xã Bỉm Sơn báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT Thanh Hóa./. *nm*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,KT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Bình

KẾT QUẢ LÀM THUY LỢI MÙA KHÔ NĂM 2016
PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Công văn số: **95** UBND-KT ngày **19** / 01 / 2017 của UBND thị xã Bim Sơn)

TT	Tên địa phương- công trình	Kênh liên xã				Kênh nội đồng				Tổng đào, đắp(m3)
		Tổng chiều dài(m)	Khối lượng (m3)			Tổng chiều dài(m)	Khối lượng(m3)			
			Tổng	Đào, đắp thủ công	Đào, đắp cơ giới		Tổng	Đào, đắp thủ công	Đào, đắp cơ giới	
I	Xã Quang Trung									8.400
1	Kênh Đồng chùa đến Đồng Chéo		-			950	5.600	700	4.900	5.600
2	Kênh Trạm Điện		-			616	1.900	300	1.600	1.900
3	Kênh Tây đường sắt					2.000	900	900		900
II	Phường Phú Sơn						-			6.790
1	Kênh C4 từ Lò mổ ~ đồng Chi		6.490		6.490	1.300	300	300		6.790
III	Hà Lan						-			8.050
1	Kênh T9 từ đường nhựa liên huyện đến kênh Thanh Niên		-			800	1.600	400	1.200	1.600
2	Kênh T5		-			1.800	600	600		600
3	Kênh đường 89					1.200	550	550		550
4	Kênh trước làng					1.000	800	800		800
5	Kênh Cống Giá từ cống Giá ~ sông Tống					1.000	3.600	1.100	2.500	3.600

6	Kênh đồng Phú					1.200	900	900		900
IV	Chi nhánh thủy lợi Bim Sơn						-			26.200
1	Kênh Thanh Niên từ cống T2-2~ cầu T3	540	8.300	1.300	7.000		-			8.300
2	Kênh T3 từ đê Tam Điệp ~ cầu T3 bỏ	1.810	6.600	1.600	5.000		-			6.600
3	Kênh dẫn Trạm bơm Đoàn Thôn	1.450	4.000	1.200	2.800		-			4.000
5	Kênh Tây	2.700	900	900			-			900
6	Kênh cứng T1	1.800	600	600			-			600
7	Kênh T1 từ đường Thanh Niên ~ đồng Chéo	600	1.800	300	1.500					1.800
8	Kênh T1 từ đê Tam Điệp ~đường Thanh Niên	1.800	4.000	500	3.500		-			4.000
Tổng cộng		10.700	32.690	6.400	26.290	11.866	15.750	6.550	10.200	48.440